TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27 /2023/ HNGĐ - ST Ngày 17 - 8 - 2023 "V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con."	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nam.

2. Ông Nguyễn Văn Bẩy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T.

Địa chỉ cư trú: thôn B, xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P.

Địa chỉ cư trú: thôn B, xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Nguyễn Văn P ngày 28 tháng 7 năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đông

Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mặc dù chị và anh P đã tìm mọi biện pháp hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, động viên, hòa giải nhưng không thành. Chị và anh P đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 8 năm 2020. Nay chị xác định tình cảm dành cho anh Nguyễn Văn P không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Văn P có hai con chung tên là Nguyễn Thị D, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2003 và Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2011. Trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu Nguyễn Diễm Q vẫn ở cùng với anh P và ông bà nội. Khi ly hôn, để không làm ảnh hưởng đến việc sinh hoạt của con, chị đề nghị anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Diễm Q, chị sẽ có tránh nhiệm cấp dưỡng cho con nếu anh P yêu cầu. Đối với con Nguyễn Thị D hiện nay đã thành niên nên chị không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T tự thỏa thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đông Triều như nội dung chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai người trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, bản thân anh đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay anh P thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có hai con chung như chị T đã trình bày. Khi ly hôn, anh P nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2011 đến khi thành niên. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con. Đối với con Nguyễn Thị D hiện nay đã trưởng thành nên anh không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của các đương sự như sau: Chị T và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị về chung sống tại thôn B, xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm rõ. Quá trình chung sống chị Tvà anh P có hai con chung, con thứ nhất đã trưởng thành hiện nay đang học trên Hà Nội, con thứ hai hiện nay đang ở cùng anh P và ông bà nội. Về điều kiện

chung thì cả anh P và chị T đều đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản và công nợ chung của hai người, địa phương không nắm rõ.

* Khi được hỏi, cháu Nguyễn Diễm Q có ý kiến: thời gian trước cháu vẫn ở cùng với bố mẹ, đến khoảng tháng 8 năm 2020 thì bố mẹ cháu sống ly thân, không ở cùng nhau nữa. Khi bố mẹ ly thân, cháu vẫn ở cùng với bố cháu và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn P chưa chấp hành thông báo của Tòa án tham gia phiên hòa giải, chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P. Giao con Nguyễn Diễm Q cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị T không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thuộc những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn P hiện đang cư trú tại xã B, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành việc hòa giải vì giữa chị và anh P có nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 08 giờ 00 ngày 17 tháng 8 năm 2023 (Quyết định này đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự) nhưng cả chị T và anh P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc

nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn rồi dẫn đến sống ly thân mỗi người một nơi từ giữa năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải để các đương sự có điều kiện gặp gỡ, thỏa thuận với nhau về những vấn đề có tranh chấp nhưng anh P vắng mặt. Sau đó, anh P cũng có bản tự khai xác định không còn tình cảm với chị T và có quan điểm đồng ý ly hôn chị T.

Từ đó xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung nếu tiếp tục duy trì sẽ không có hạnh phúc, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có hai con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2003 và Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2011. Đối với con Nguyễn Thị D hiện nay đã thành niên, các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết. Về con Nguyễn Diễm Q, các đương sự đều có quan điểm anh P sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, cần giao cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Diễm Q là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

**** Áp dụng**:*

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**** Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Diễm Q, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2011cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Văn P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009945 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Khắc Tuyn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Văn Giới

Trần Văn Nam

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Khắc Tuyn

[[σ

Trần Hữu Trung **Tô Thị Bích Hồng**